

DANH MỤC

(Kèm theo Thư mời báo giá số: /BVĐKT-KD ngày tháng 6 năm 2023)

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả hàng hóa/ Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Giá xây dựng dự toán mua sắm và kế hoạch LCNT		
								Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền
I. Hóa chất sinh hóa										
1	Giếng phản ứng dùng cho máy Access 2	Access Immunoassay System Reaction Vessels	Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL	Hộp	16x98cái	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Mỹ	1		
2	Dung dịch rửa dùng cho máy Access 2	Access Wash Buffer II	- Thành phần: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, < natri azit 0,1% và < 0,05% khối lượng phản ứng của: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-một và 2-methyl-4-isothiazolin-3-một (3:1).	Hộp	4x1950mL	Beckman Coulter Laboratory Systems (Suzhou) Co., Ltd., Trung Quốc sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Trung Quốc	2		
3	Định lượng PCT	Access PCT	- Phạm vi phân tích: 0,01–100 ng/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ kháng thể đơn dòng ở chuột kháng procalcitonin người trong dung dịch đệm TRIS có chất hoạt tính bề mặt, protein (bò), ≤ 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: 0,1 N Natri Hydroxit. R1c: Dung dịch đệm MOPS có chất hoạt tính bề mặt và protein (bò, chuột), ≤ 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1d: Liên hợp photphataza kiểm tái tổ hợp kháng procalcitonin ở chuột trong dung dịch đệm MOPS có chất hoạt tính bề mặt và protein (bò, chuột, tái tổ hợp), ≤ 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300.	Hộp	2x50test	Beckman Coulter, Inc., Mỹ sản xuất cho Immunotech S.A.S, Pháp	Mỹ	1		
4	Định lượng total βhCG	Access Total βhCG (5th IS)	- Phạm vi phân tích: 0,6–1350 mIU/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ IgG kháng chuột ở dê: các phức hợp kháng βhCG đơn dòng ở chuột được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1b: Protein (dê, chuột và tái tổ hợp) được pha loãng trong dung dịch muối đệm citrate, có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c:Liên hợp photphataza kiểm kháng βhCG ở thỏ (tái tổ hợp) được pha loãng trong dung dịch muối đệm MES, có chất hoạt tính bề mặt, BSA, protein (thỏ), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300	Hộp	2x50test	Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Mỹ	1		

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả hàng hóa/ Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Giá xây dựng dự toán mua sắm và kế hoạch LCNT		
								Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền
5	Đo hoạt độ ALT (GPT)	ALT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT ; dải đo: 3-500U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-Alanine 500 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH $\geq$ 1.8 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	Hộp	4x12ml+4x6 ml	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	8		
6	Đo hoạt độ AST (GOT)	AST	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST ; dải đo: 3-1000 U/L ; Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-aspartate 240 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH $\geq$ 0.9 kU/L; MDH $\geq$ 0.6 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	Hộp	4x6ml+4x6ml	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	8		
7	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)	CK (NAC)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK ; dải đo: 10-2000 U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC cho CK (NAC), bước sóng 340/660 nM. Thành phần: Immidazole (pH 6.5, 37°C) 100 mmol/L; NADP 2.0 mmol/L; Glucose 20 mmol/L; Creatine phosphate 30 mmol/L; N-acetylcysteine 0.2 mmol/L; Diadenosine pentaphosphate 0.01 mmol/L; G6P-DH $\geq$ 2.8 kU/L;	Hộp	4x22ml+4x4 ml+4x6ml	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	1		
8	Định lượng CRP	CRP Latex	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CRP Latex ; dải đo: 0.2-480 mg/L ; phương pháp: Immunoturbidimetric . Thành phần: Glycine buffer 100 mmol/L; Latex, phủ kháng thể kháng CRP < 0.5% w/v	Hộp	4x30ml+4x30ml	Denka Seiken Co. Ltd., Nhật Bản sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Nhật Bản	1		
9	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	HDL-CHOLESTEROL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol ; dải đo: 0.05-4.65 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour). Thành phần: Kháng thể kháng β -lipoprotein ở người nồng độ thay đổi; Cholesterol esterase (CHE) 0,8 IU/mL; Cholesterol oxidase (CHO) 4,4 IU/mL; Peroxidase (POD) 1,7 IU/mL; Ascorbate Oxidase 2 IU/mL;F-DAOS 0,2 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,67 mmol/L	Hộp	4x27ml+4x9 ml	FUJIFILM Wako Pure Chemical Corporation, Nhật Bản sản xuất cho Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Nhật Bản	1		
10	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	LDL-CHOLESTEROL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol ; dải đo: 0.26-10.3 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour . Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; 4-aminoantipyrine 0,8 mmol/L;	Hộp	4x27ml+4x9 ml	FUJIFILM Wako Pure Chemical Corporation, Nhật Bản sản xuất cho Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len	Nhật Bản	1		

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả hàng hóa/ Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Giá xây dựng dự toán mua sắm và kế hoạch LCNT		
								Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền
11	Định lượng Protein toàn phần	TOTAL PROTEIN	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần ; dải đo: 30-120 g/L ; phương pháp: Biuret. Thành phần: Sodium hydroxide 200 mmol/L; Potassium sodium tartrate 32 mmol/L; Copper sulphate 18.8 mmol/L; Potassium iodide 30 mmol/L.	Hộp	4x25ml+4x25ml	Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len sản xuất cho Beckman Coulter, Inc., Mỹ	Ai-len	1		
12	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	Ethanol	Dải đo: 2.40 mg/dL - 300 mg/dL, phương pháp đo: ALCOHOL DEHYDROGENASE	Hộp	2x20ml+2x7mL	Biosystems S.A., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	1		
Tổng cộng: 12 mặt hàng										
	II. Hóa chất công thức máu									
1	IVD pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Isotonac 3 / MEK-640	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Natri clorid, Sulfate	Can	18L/Can	Nihon Kohden Tomioka corporation	Nhật Bản	17		
2	IVD ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Hemolynac 310 / MK-310W	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 7.0 đến 7.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương	Can	250ml/ Can	Nihon Kohden Tomioka corporation	Nhật Bản	2		
3	IVD ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Hemolynac 510 / MK-510W	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 8.0 đến 8.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích âm	Can	250ml/ Can	Nihon Kohden Tomioka corporation	Nhật Bản	2		
4	IVD rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Cleanac 710 / MK-710W	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: xanh dương Mùi: nhẹ Độ pH: 8.0 đến 8.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: ethylene glycol monophenyl ether	Can	2L/ Can	Nihon Kohden Tomioka corporation	Nhật Bản	4		

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả hàng hóa/ Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Giá xây dựng dự toán mua sắm và kế hoạch LCNT		
								Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền
5	IVD rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Cleanac 3 / MEK-620	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dung dịch Natri hypoclorit	Can	5L/ Can	Nihon Kohden Tomioka corporation	Nhật Bản	1		
6	IVD rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Cleanac / MEK-520	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether và Ethylene glycol monophenyl ether	Can	5L/ Can	Nihon Kohden Tomioka corporation	Nhật Bản	4		
7	IVD ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Hemolynac 3N	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương	Can	500ml/ Can	Nihon Kohden Tomioka corporation	Nhật Bản	5		
	Tổng cộng: 07 mặt hàng									